

Hàng tiêu dùng

Báo cáo cập nhật

Tháng 2, 2021

Khuyến nghị **OUTPERFORM**

Giá kỳ vọng (VNĐ/CP) **122.000**

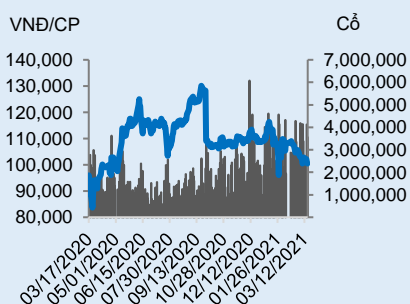
Giá thị trường (17/03/2021) 100.500

Lợi nhuận kỳ vọng +21,4%

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	83.700 - 130.100
Vốn hóa	210.040
SL cổ phiếu lưu hành	2.089.956.345
KLGD bình quân 10 ngày	3.287.460
% sở hữu nước ngoài	
Room nước ngoài	100%
Giá trị cổ tức/cổ phần	35%
Tỷ lệ cổ tức/thị giá	3,5%
Beta	0,61

BIẾN ĐỘNG GIÁ



	YTD	1T	3T	6T
VNM	-7,6%	-7,5%	-9,0%	-19,3%
VN-Index	7,5%	26,2%	12,8%	32,7%

Tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu. Định giá vẫn còn hấp dẫn so với các công ty cùng ngành trong khu vực.

Vững vàng trước đại dịch COVID-19, VNM tiếp tục duy trì vị thế số 1. VNM công bố KQKD cả năm 2020 với doanh thu 59.636 tỷ đồng (+5,9% yoy) và lợi nhuận sau thuế 11.099 tỷ đồng (+4,9% yoy). Qua đó, công ty đã hoàn thành 100% kế hoạch về doanh thu và 104% kế hoạch về lợi nhuận cả năm. VNM tiếp tục tăng 0,3% về thị phần trong bối cảnh tiêu thụ toàn ngành sữa giảm.

Kỳ vọng tiêu thụ sữa cải thiện trong 2021, cần theo dõi rủi ro biến động giá đầu vào. BVSC dự báo doanh thu thuần đạt 63.470 tỷ đồng (+6,4% yoy) và lợi nhuận sau thuế 11.686 tỷ đồng (+5,3% yoy). EPS 2021 đạt 5.102 đồng/cp tương ứng với P/E dự phóng 19,7 lần.

Thị trường sữa Việt Nam còn nhiều dư địa phát triển. Theo số liệu của Euromonitor, Việt Nam có mức tăng trưởng tiêu thụ sữa và các sản phẩm từ sữa là 52,5% trong giai đoạn 2015 – 2020, trong đó tiêu thụ bình quân đầu người tăng trưởng 45,2%. Tuy vậy, ngay cả sau khi đã tăng trưởng ấn tượng như thế, mức tiêu thụ bình quân đầu người tại Việt Nam chỉ mới ở mức trung bình và vẫn còn thấp hơn các nước khác như Thái Lan, Malaysia, Singapore, Nhật và Hàn Quốc.

Định giá và hiệu quả hoạt động của VNM vẫn còn hấp dẫn so với khu vực. VNM đang giao dịch ở mức P/E 21,4 lần và suất cổ tức 3,9% so với mức bình quân lần lượt là 29,2 lần và 2,2% của các công ty trong khu vực. Xét về hiệu quả hoạt động, các chỉ số biên EBITDA, biên hoạt động, biên ròng, ROA và ROE đều vượt trội.

Khuyến nghị đầu tư: So với mặt bằng chung các cổ phiếu vốn hoá lớn khác, VNM đang ít được chú ý hơn khi thị trường vẫn đang ưa thích các cổ phiếu có câu chuyện tăng trưởng mạnh mẽ. Với vị thế đã rất lớn ở thị trường nội địa, sẽ rất khó để VNM có thể đạt được mức tăng trưởng 2 chữ số như trong giai đoạn trước đây. Tuy nhiên xét về dài hạn, BVSC cho rằng VNM vẫn là một cổ phiếu có thể nắm giữ trong danh mục xét trên các khía cạnh: (i) tiềm năng phát triển của ngành sữa Việt Nam còn lớn; (ii) định giá của VNM vẫn còn hấp dẫn so với các công ty trong khu vực; (iii) công ty vẫn tích cực đa dạng hoá và cao cấp hoá sản phẩm để đón đầu xu hướng tiêu dùng, và tích cực tìm kiếm cơ hội M&A để tăng trưởng; (iv) là cổ phiếu vốn hoá lớn có mang tính chi phối đến thị trường và là điểm đến tiềm năng của dòng vốn nước ngoài trong các câu chuyện thăng hạng của thị trường Việt Nam. Với việc giá VNM đã giảm hơn 13% từ đỉnh, BVSC nâng khuyến nghị lên **OUTPERFORM** đối với VNM với mức giá kỳ vọng **122.000 đồng/cp** bằng phương pháp DCF và P/E.

Chuyên viên phân tích

Trương Sỹ Phú, CFA

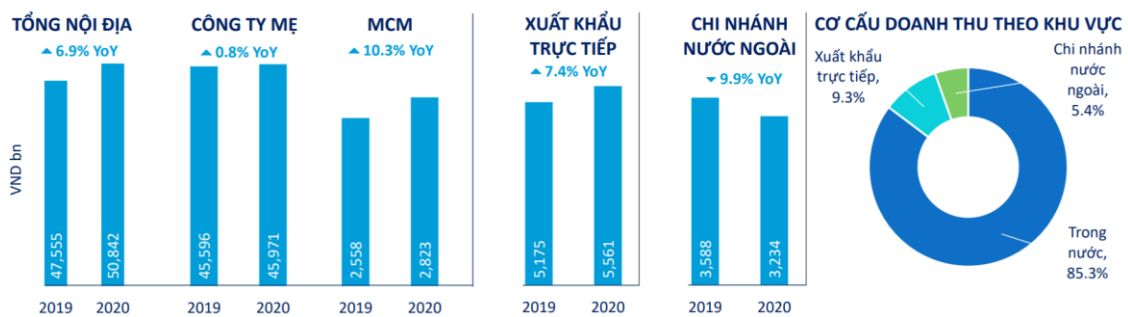
(84 28) 3914 6888 ext. 258

truongsyphu@baoviet.com.vn

Vững vàng trước đại dịch COVID-19, VNM tiếp tục duy trì vị thế số 1 tại thị trường Việt Nam

VNM công bố KQKD cả năm 2020 với doanh thu 59.636 tỷ đồng (+5,9% yoy) và lợi nhuận sau thuế 11.099 tỷ đồng (+4,9% yoy). Qua đó, công ty đã hoàn thành 100% kế hoạch về doanh thu và 104% kế hoạch về lợi nhuận cả năm. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh dịch bệnh khó khăn.

Hình 1: Tóm tắt KQKD cả năm 2020



Nguồn: VNM

Một số điểm đáng lưu ý như sau:

- Công ty mẹ tiếp tục giữ vững vị trí số một.** Đại dịch COVID-19 và các đợt lũ lụt ở miền Trung đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến sức mua của người tiêu dùng. VNM cũng bị ảnh hưởng khi doanh thu nội địa (công ty mẹ) chỉ tăng trưởng 0,8% so với mức bình quân trên 6%/năm của 3 năm trước đó. Tuy nhiên, thị phần của VNM vẫn tăng thêm 0,3% so với cuối 2019 do tiêu thụ của cả ngành giảm ~8% (theo Nielsen). VNM cho biết đã tung và tái tung hơn 15 sản phẩm trong 2020, và điều này đã giúp công ty gia tăng được thị phần, đặc biệt là ở mảng sữa chua. Chúng tôi đánh giá đây là nỗ lực rất đáng khích lệ của công ty.

Hình 2: Các sản phẩm nổi bật trong năm 2020



Nguồn: VNM

- MCM tăng trưởng ấn tượng.** Doanh thu của MCM tăng trưởng 10,3% nhờ đẩy mạnh bán hàng qua hệ thống phân phối của VNM và chú trọng các chương trình hỗ trợ bán hàng hơn. Biên gộp MCM cũng mở rộng từ 18,9% lên 31,5% nhờ kiểm soát chi phí tốt hơn theo tiêu chuẩn mới của VNM. Qua đó, lợi nhuận của MCM tăng trưởng mạnh mẽ 68% so với cùng kỳ.

- **Xuất khẩu trực tiếp vẫn khả quan.** Xuất khẩu giảm 4,8% yoy trong Q4 2020 từ mức cao của năm trước trong khi cả năm vẫn tăng trưởng trên 7%. Đóng góp chủ yếu hiện nay vẫn là thị trường Trung Đông.
- **Hoạt động của các chi nhánh nước ngoài diễn biến trái chiều.** Angkor Milk tại Campuchia vẫn tăng trưởng tốt trên 20% yoy trong khi Driftwood bị ảnh hưởng nặng nề do trường học đóng cửa tại California. Gần đây VNM cũng có thành lập liên doanh sữa để tham gia vào thị trường Philippines.
- **Biên gộp nhìn chung ổn định.** Giá SMP/WMP biến động khá mạnh trong năm nhưng mặt bằng bình quân khá tương đồng với năm 2019, do đó biên gộp tại công ty mẹ vẫn duy trì ở mức 47,9% cả năm trong khi giá bán hầu như không tăng. Trong khi đó, biên gộp hợp nhất giảm nhẹ 1% xuống 46,2% do có đóng góp của MCM với biên gộp 31,5% - thấp hơn VNM.
- **SG&A tăng vượt mức doanh thu do có yếu tố bất thường.** Chi phí quản lý cả năm tăng mạnh 40% yoy và mức tăng tập trung chủ yếu vào Q4 2020 do VNM quyết định phân bổ hết phần lợi thế thương mại còn lại từ thương vụ mua Đường Khánh Hoà (nay là VietSugar) từ năm 2017. Đồng thời, VNM cũng ghi nhận doanh thu tài chính hơn 300 tỷ đồng từ đánh giá lại khoản đầu tư vào GTN khi thực hiện tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty này từ liên kết lên chi phối cuối năm 2019. Hai khoản này hầu như đã bù trừ lẫn nhau giúp cho KQKD Q4 2020 của VNM không biến động mạnh vì kỹ thuật kế toán, đây là điều chúng tôi đánh giá cao. Mặt khác, chi phí bán hàng cả năm chỉ tăng 3,5% - khá phù hợp với mức tăng trưởng doanh thu.

Kỳ vọng tiêu thụ sữa cải thiện trong 2021, cần theo dõi rủi ro biến động giá đầu vào

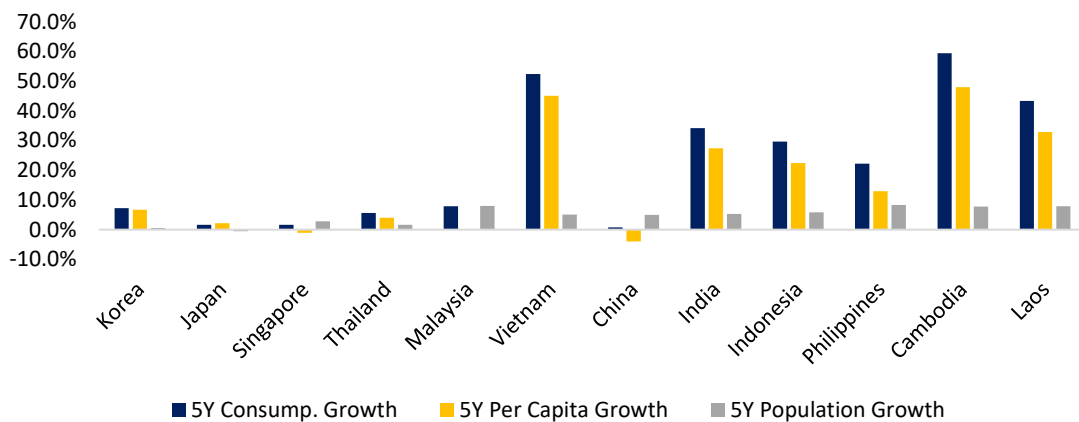
BVSC dự báo doanh thu thuần đạt 63.470 tỷ đồng (+6,4% yoy) và lợi nhuận sau thuế 11.686 tỷ đồng (+5,3% yoy). EPS 2021 đạt 5.102 đồng/cp tương ứng với P/E dự phóng 19,7 lần.

- Kỳ vọng tiêu thụ sữa cải thiện, sản lượng tiêu thụ nội địa của công ty mẹ tăng 4,5% và giá bán bình quân tăng 2% do giá đầu vào tăng.
- MCM dự báo tăng trưởng 9% nhờ tiếp tục mở rộng thị trường qua kênh phân phối của VNM. Kỳ vọng MCM sẽ tiếp tục đưa ra nhiều mẫu mã mới trong nhóm sản phẩm sữa thanh trùng, sữa chua uống giúp hoàn thiện hơn danh mục sản phẩm của cả MCM và VNM. Ngoài ra, lượng tiền mặt thu về từ việc phát hành cho GTN và VNM sẽ được sử dụng để đầu tư mở rộng sản xuất và đàn bò, phục vụ nhu cầu cầu sữa tươi trong tương lai của cả VNM và MCM.
- Xuất khẩu trực tiếp tăng trưởng ổn định 8% và các chi nhánh ở nước ngoài tăng 5%.
- Giá WMP/SMP đã tăng hơn 10% kể từ đầu năm theo đà tăng chung của các loại hàng hoá và nhu cầu nhập khẩu mạnh mẽ của Trung Quốc. Chúng tôi cho rằng giá sữa bột sẽ tiếp tục neo ở mức cao trong 1H 2021 và có thể giảm nhẹ trong 2H 2021 khi Trung Quốc đã mua đủ dự trữ. Do VNM đã chốt giá sữa bột đến hết tháng 6/2021, chúng tôi dự báo chi phí sữa bột bình quân chỉ tăng 6% yoy. Biên lợi nhuận gộp hợp nhất giảm từ 46,4% còn 45,7%.
- SG&A / doanh thu ở mức 25,7%, không thay đổi nhiều so với 2020.

Thị trường sữa Việt Nam nói chung và Vinamilk nói riêng vẫn còn khá hấp dẫn so với các nước trong khu vực

Thị trường Việt Nam còn nhiều tiềm năng. Theo số liệu của Euromonitor, Việt Nam có mức tăng trưởng tiêu thụ sữa và các sản phẩm từ sữa là 52,5% trong giai đoạn 2015 – 2020, trong đó tiêu thụ bình quân đầu người tăng trưởng 45,2%. Đây là mức cao nhất chỉ sau Campuchia trong nhóm các nước Châu Á mà chúng tôi thu thập dữ liệu.

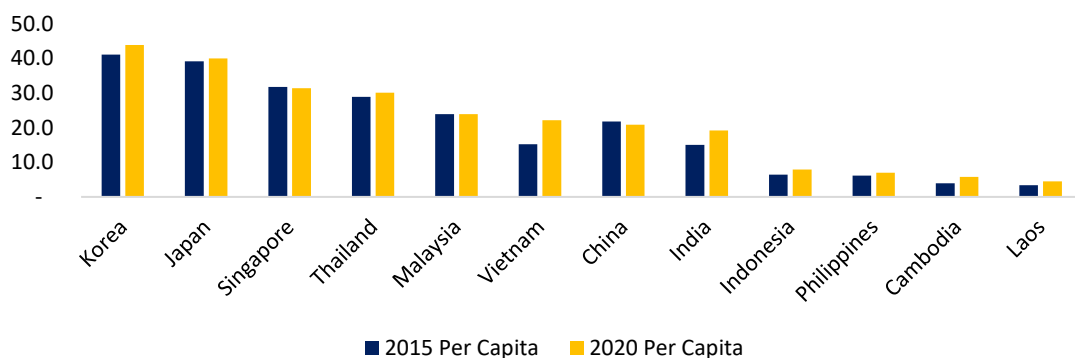
Hình 3: Tăng trưởng tiêu thụ sữa & sp từ sữa ở các nước Châu Á



Nguồn: Euromonitor

Tuy vậy, ngay cả sau khi đã tăng trưởng ấn tượng như thế, mức tiêu thụ bình quân đầu người tại Việt Nam chỉ mới ở mức trung bình và vẫn còn thấp hơn các nước khác như Thái Lan, Malaysia, Singapore, Nhật và Hàn Quốc. Do đó, BVSC cho rằng thị trường sữa tại Việt Nam vẫn còn hấp dẫn xét trên phương diện: (i) tiêu thụ đầu người tăng song song với mức thu nhập & chi tiêu của người dân; (ii) xu hướng cao cấp hoá và đa dạng hoá sản phẩm; (iii) phần nào đó là từ tăng trưởng dân số.

Hình 4: Tiêu thụ sữa & sp từ sữa đầu người ở các nước Châu Á



Nguồn: Euromonitor

VNM vẫn còn hấp dẫn so với các công ty cùng ngành trong khu vực. VNM đang giao dịch ở mức P/E 21,4 lần và suất cổ tức 3,9% so với mức bình quân lần lượt là 29,2 lần và 2,2% của các công ty trong khu vực. Xét về hiệu quả hoạt động, các chỉ số biên EBITDA, biên hoạt động, biên ròng, ROA và ROE đều vượt trội.

Hình 5: So sánh với các công ty trong khu vực

Ticker	Name	Mkt Ca	E	P/	Div Yield	EBITDAM (%)	OPM (%)	NPM (%)	ROA (%)	ROE (%)
Average		7,374	7,680	29.2	2.2	11.9	8.5	6.3	7.8	18.2
Median		4,208	3,885	21.4	1.8	10.4	7.4	5.0	5.3	10.8
VNM VN Equity	VIETNAM DAIRY PRODUCTS JSC	9,214	8,801	21.3	3.9	25.3	20.6	18.7	23.9	34.0
600597 CH Equity	BRIGHT DAIRY & FOOD CO LTD-A	3,251	3,583	43.9	0.8	#N/A N/A	5.0	2.3	2.9	9.8
2319 HK Equity	CHINA MENGNIU DAIRY CO	23,919	24,359	47.6	0.4	7.1	4.2	4.7	4.5	12.7
2264 JP Equity	MORINAGA MILK INDUSTRY CO	2,436	3,303	12.8	1.1	8.1	4.6	3.2	4.1	9.9
600887 CH Equity	INNER MONGOLIA YILI INDUS-A	37,595	36,559	35.1	2.0	#N/A N/A	8.9	7.7	11.3	27.7
2270 JP Equity	MEGMILK SNOW BRAND CO LTD	1,482	2,094	11.5	1.8	5.9	3.3	2.5	4.0	8.4
2206 JP Equity	EZAKI GLICO CO LTD	2,898	2,259	25.4	1.4	9.6	5.4	3.5	3.5	5.6
NEST IN Equity	NESTLE INDIA LTD	21,855	21,601	76.2	1.2	24.0	21.2	15.6	27.8	105.4
151 HK Equity	WANT WANT CHINA HOLDINGS LTD	9,435	8,420	15.8	5.3	29.3	25.0	19.0	13.5	28.8
2269 JP Equity	MEIJI HOLDINGS CO LTD	9,950	11,335	16.1	2.2	12.8	8.8	5.5	6.3	11.6
NESZ MK Equity	NESTLE (MALAYSIA) BERHAD	7,795	7,956	58.1	2.0	17.5	14.2	10.4	20.2	92.3
ICBP IJ Equity	INDOFOOD CBP SUKSES MAKMUR T	7,008	10,037	19.8	2.5	21.5	18.3	11.8	7.3	20.0
2282 JP Equity	NH FOODS LTD	4,768	6,215	21.8	1.8	7.1	4.2	2.7	3.8	7.5
2288 JP Equity	MARUDAI FOOD CO LTD	433	614	77.4	2.0	3.1	(0.1)	0.0	0.1	0.1
2875 JP Equity	TOYO SUISAN KAISHA LTD	4,663	3,496	16.3	1.7	12.1	8.5	7.0	7.2	9.4
2897 JP Equity	NISSIN FOODS HOLDINGS CO LTD	7,865	7,928	21.2	1.4	14.7	9.5	7.7	6.1	10.7
2212 JP Equity	YAMAZAKI BAKING CO LTD	3,752	3,719	58.2	1.2	5.6	1.7	0.9	1.3	2.8
004370 KS Equity	NONGSHIM CO LTD	1,538	1,104	11.2	1.4	9.7	6.1	5.5	5.4	7.3
URC PM Equity	UNIVERSAL ROBINA CORP	5,796	6,478	27.4	2.5	17.3	11.9	8.7	6.3	11.7
2002 JP Equity	NISSHIN SEIFUN GROUP INC	5,293	5,625	30.2	1.8	7.9	3.9	2.9	2.9	4.9
2281 JP Equity	PRIMA MEAT PACKERS LTD	1,690	1,874	15.0	1.6	7.3	5.0	3.2	6.3	14.5
2001 JP Equity	NIPPON CORP	1,241	1,651	15.9	2.1	5.7	3.1	2.3	2.5	4.8
TU TB Equity	THAI UNION GROUP PCL	2,192	4,050	11.3	5.0	10.4	7.4	5.6	5.1	14.6
2810 JP Equity	HOUSE FOODS GROUP INC	3,421	2,996	46.2	1.2	11.9	7.5	4.8	3.8	5.5
1332 JP Equity	NIPPON SUISAN KAISHA LTD	1,610	3,613	13.3	1.5	5.9	2.9	2.1	2.9	8.9
288 HK Equity	WH GROUP LTD	13,746	16,233	11.3	4.4	9.7	7.3	4.6	7.0	13.5
000895 CH Equity	HENAN SHUANGHUI INVESTMENT-A	22,229	20,644	21.5	3.9	#N/A N/A	10.6	8.4	19.6	31.3
8043 JP Equity	STARZEN CO LTD	458	784	9.9	2.1	2.6	1.9	1.7	4.2	10.9
2229 JP Equity	CALBEE INC	3,554	3,237	22.9	1.7	14.4	10.4	6.9	8.2	11.0
BRIT IN Equity	BRITANNIA INDUSTRIES LTD	11,506	11,807	59.4	2.4	16.1	14.5	11.8	19.2	31.2
DELFI SP Equity	DELFI LTD	349	336	20.1	4.2	11.0	7.6	4.4	4.5	7.7
2811 JP Equity	KAGOME CO LTD	3,027	3,041	41.7	1.0	11.7	7.9	5.1	4.4	8.5

Nguồn: BVSC, Bloomberg

Tiếp tục tìm kiếm cơ hội tăng trưởng mới

Sắp tới GTN sẽ huỷ niêm yết và được hoán đổi sáp nhập vào VLC, chấm dứt sự tồn tại với vai trò thay VNM nắm giữ gián tiếp VLC và MCM. Với tỷ lệ hoán đổi là 1,6:1, VNM dự kiến sẽ nắm khoảng 68% VLC, VLC nắm trên 59% MCM và qua đó lợi ích kinh tế của VNM tại MCM sẽ là 49%. Sau khi sáp nhập, VLC kế hoạch hợp tác với Sojitz để đầu tư vào lĩnh vực bò thịt qua liên doanh có vốn ban đầu là 2 triệu USD, trong đó VLC nắm 51%. Ngoài ra, VLC cũng sẽ đầu tư 1.700 tỷ đồng để thực hiện dự án bò thịt với quy mô 20.000 con để gia nhập vào thị trường thịt với quy mô 10 tỷ USD tại Việt Nam.

Quan điểm đầu tư

So với mặt bằng chung các cổ phiếu vốn hoá lớn khác, VNM đang ít được chú ý hơn khi thị trường vẫn đang ưa thích các cổ phiếu có câu chuyện tăng trưởng mạnh mẽ. Với vị thế đã rất lớn ở thị trường nội địa, sẽ rất khó để VNM có thể đạt được mức tăng trưởng 2 chữ số như trong giai đoạn trước đây. Tuy nhiên xét về dài hạn, BVSC cho rằng VNM vẫn là một cổ phiếu có thể nắm giữ trong danh mục xét trên các khía cạnh: (i) tiềm năng phát triển của ngành sữa Việt Nam còn lớn; (ii) định giá của VNM vẫn còn hấp dẫn so với các công ty trong khu vực; (iii) công ty vẫn tích cực đa dạng hoá và cao cấp hoá sản phẩm để đón đầu xu hướng tiêu dùng, và tích cực tìm kiếm cơ hội M&A để tăng trưởng; (iv) là cổ phiếu vốn hoá lớn có mang tính chi phối đến thị trường và là điểm đến tiềm năng của dòng vốn nước ngoài trong các câu chuyện thăng hạng của thị trường Việt Nam. Với việc giá VNM đã giảm hơn 13% từ đỉnh, BVSC nâng khuyến nghị lên **OUTPERFORM** đối với VNM với mức giá kỳ vọng **122.000 đồng/cp** bằng phương pháp DCF và P/E.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DỰ BÁO

Kết quả kinh doanh				
Đơn vị (tỷ VND)	2018	2019	2020	2021F
Doanh thu thuần	52.562	56.318	59.636	63.470
Giá vốn	27.951	29.746	31.968	34.462
Lợi nhuận gộp	24.611	26.572	27.669	29.008
Doanh thu tài chính	760	807	1.581	2.263
Chi phí tài chính	118	187	309	395
Lợi nhuận sau thuế	10.206	10.554	11.236	11.848

Bảng cân đối kế toán				
Đơn vị (tỷ VND)	2018	2019	2020	2021F
Tiền & khoản tương đương tiền	1.523	2.665	2.111	22.521
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.639	4.503	5.187	5.521
Hàng tồn kho	5.526	4.983	4.905	5.288
Tài sản cố định hữu hình	14.234	15.837	14.916	14.012
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.069	987	973	973
Tổng tài sản	37.366	44.700	48.432	50.970
Nợ ngắn hạn	10.640	14.443	14.213	14.637
Nợ dài hạn	455	526	573	368
Vốn chủ sở hữu	26.762	31.958	35.997	38.478
Tổng nguồn vốn	37.366	44.700	48.432	50.970

Chỉ số tài chính				
Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021F
Chỉ tiêu tăng trưởng				
Tăng trưởng doanh thu (%)	9%	3%	7%	6%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế (%)	10%	-1%	3%	6%
Chỉ tiêu sinh lời				
Lợi nhuận gộp biên (%)	47%	47%	47%	46%
Lợi nhuận thuần biên (%)	20%	19%	19%	19%
ROA (%)	30%	27%	24%	23%
ROE (%)	42%	38%	33%	31%
Chỉ tiêu cơ cấu vốn				
Nợ vay/Tổng tài sản (%)	31%	30%	33%	31%
Nợ vay/Tổng vốn chủ sở hữu (%)	44%	41%	47%	41%
Chỉ tiêu trên mỗi cổ phần				
EPS (đồng/cổ phần)	6.373	4.395	4.545	4.838
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	16.791	15.365	18.349	17.224

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Tôi, chuyên viên **Trương Sỹ Phú**, xin khẳng định hoàn toàn trung thực và không có động cơ cá nhân khi thực hiện báo cáo này. Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo này được thu thập từ những nguồn tin cậy và đã được **tôi** xem xét cẩn thận. Tuy nhiên, **tôi** không đảm bảo tính đầy đủ cũng như chính xác tuyệt đối của những thông tin nêu trên. Các quan điểm, nhận định trong báo cáo này chỉ là quan điểm riêng của cá nhân **tôi** mà không hàm ý chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo phân tích này như một nguồn tham khảo. **Cá nhân tôi** cũng như **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt** sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc những thông tin sai lệch về doanh nghiệp.

Báo cáo này là một phần tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, tất cả những hành vi sao chép, trích dẫn một phần hay toàn bộ báo cáo này phải được sự đồng ý của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

LIÊN HỆ

Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Khối Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Phạm Tiến Dũng

Giám đốc khối

phamtien.dung@baoviet.com.vn

Lưu Văn Lương

Phó Giám đốc khối

luuvanluong@baoviet.com.vn

Hoàng Bảo Ngọc

Công nghệ, Cảng biển

hoangbaongoc@baoviet.com.vn

Nguyễn Chí Hồng Ngọc

Bất động sản, Khu công nghiệp

nguyenchihongngoc@baoviet.com.vn

Phạm Lê An Thuận

Dược, Thủy sản, Dầu khí

phamleanthuan@baoviet.com.vn

Đỗ Long Khánh

Hàng không, Bảo hiểm

dolongkhanh@baoviet.com.vn

Lê Thanh Hòa

Tiện ích công cộng, Ngân hàng

lethanhhua@baoviet.com.vn

Hoàng Thị Minh Huyền

Chuyên viên vĩ mô

hoangthiminhhuyen@baoviet.com.vn

Trần Phương Thảo

VLXD, BĐS, Cao su tự nhiên

tranphuongthaoa@baoviet.com.vn

Trương Sỹ Phú

Hàng tiêu dùng

truongsyphu@baoviet.com.vn

Trần Xuân Bách

Phân tích kỹ thuật

tranxuanbach@baoviet.com.vn

Nguyễn Hà Minh Anh

Hàng tiêu dùng, Tiện ích công cộng

nguyenhaminhanh@baoviet.com.vn

Ngô Trí Vinh

Hàng tiêu dùng, Chăn nuôi, Chứng khoán

ngotrivinh@baoviet.com.vn

Lê Hoàng Phương

Chiến lược thị trường

lehoangphuong@baoviet.com.vn

Nguyễn Đức Hoàng

Thép, Phân bón

nguyenduchoang@baoviet.com.vn

Trần Đăng Mạnh

Xây dựng, Ô tô & Phụ tùng

trandangmanh@baoviet.com.vn



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính:

- 72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Tel: (84 24) 3 928 8080

Chi nhánh:

- Tầng 8, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM
- Tel: (84 28) 3 914 6888